

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ
TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Hôm nay ngày 04 tháng 1 năm 2024.

Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Văn.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông Trần Thế Tuyền | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Nguyễn Tiến Thủy | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà: Phạm Thị Lư | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 4. Ông Trần Văn Việt | Chức vụ: Công chức Văn phòng |

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023.

(Kèm theo Biểu số 113/CKTC-NSNN; Biểu số 114/CKTC-NSNN; Biểu số 115/CKTC-NSNN).

Thời gian niêm yết: Từ ngày 04/01/2024 đến hết ngày 04/02/2024.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Lư



Trần Thế Tuyền



Trần Văn Việt

Các thành viên



Nguyễn Tiến Thủy



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	7.566.132	10.595.514	140,04
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	53.000	19.544	36,88
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.551.000	2.133.764	60,09
3	Thu bổ sung	3.962.132	7.799.490	196,85
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.962.132	3.000.000	75,72
	- Bổ sung có mục tiêu		4.799.490	
4	Thu chuyển nguồn		642.716	
II	TỔNG SỐ CHI	6.907.341	10.338.902	149,68
1	Chi đầu tư phát triển	3.000.000	5.153.221	171,77
2	Chi thường xuyên	3.907.341	5.185.681	132,72
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

[illegible]



UBND Xã Cẩm Văn

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		7.686.132		10.595.514		137,85
I	Các khoản thu 100%		173.000		19.544		11,30
1	Phí, lệ phí		18.000		17.744		98,58
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		120.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				1.800		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		35.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		3.551.000		2.133.764		60,09
1	Các khoản thu phân chia		147.000		278.986		189,79
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		25.000		61.082		244,33
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		22.000		25.100		114,09
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		100.000		192.803		192,80
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		3.404.000		1.854.779		54,49
2.1	Thu tiền sử dụng đất		3.000.000		1.454.943		48,50
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		260.000		250.284		96,26
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		144.000		149.551		103,85
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				642.716		
	Thu chuyển nguồn				642.716		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		3.962.132		7.799.490		196,85
1	Thu bổ sung cân đối		3.962.132		3.000.000		75,72
2	Thu bổ sung có mục tiêu				4.799.490		